

Bản án số: 135/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2019

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Bảo**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Tuyết Ái**;
2/ Bà **Nguyễn Thị Kim Uyên**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vũ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 405/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1989;
2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Thanh H**, sinh năm: 1986;

Cùng địa chỉ: Đường số 10, Trung tâm thương mại A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

(Ông C có mặt, bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2018 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông **Nguyễn Văn C** trình bày: Hôn nhân của ông với bà **Trần Thị Thanh H** do tự tìm hiểu được cha mẹ hai bên đồng ý, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A ngày 08/9/2016. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau này thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H không chăm lo cho gia đình mà chỉ lo cờ bạc, ông có khuyên can mà bà H không nghe dẫn đến việc nợ nần, ông phải đứng ra trả nợ thay nhưng bà H vẫn không bỏ làm cho kinh tế gia đình ngày càng khó khăn, hai bên đã xảy ra cự cãi, từ đó giữa ông và bà

H không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2018 AL đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin được ly hôn với bà H.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà Trần Thị Thanh H theo quy định nhưng bà H vắng mặt, để đảm bảo quyền lợi của bà H, Tòa án có đến nhà của bà H để ghi nhận ý kiến nhưng không gặp bà H nên không thể ghi nhận ý kiến của bà H.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 05/3/2019, kết quả thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà H do tự tìm hiểu, không có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A. Ông C và bà H thường xuyên không sống chung với nhau nguyên nhân là do bà H thường qua lại với người bạn cũ của bà H, ông C biết được nên hai bên cự cãi, dẫn đến việc bà H bỏ nhà đi không quan tâm gia đình nữa, làm cho mâu thuẫn giữa hai bên ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Hiện nay bà H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn A và vẫn thường xuyên về địa phương.

Tại phiên tòa ông C bảo lưu ý kiến. Riêng bà H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo thủ tục chung.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của ông C, bà H có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do ông C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà H có yêu cầu sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Thanh H, bà H có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông C và bà H có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của ông C xin ly hôn với bà H thì thấy: Trong đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống giữa ông C và bà H đã lâu, cuộc sống thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Tại phiên tòa hôm nay, ông C xác định không còn tình cảm với bà H, kiên quyết xin ly hôn với bà H. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông C và bà H không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của ông C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này ông C và bà H có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban tH vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Trần Thị Thanh H.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010949 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (ông C đã nộp đủ). Bà H không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 75 ngày 08/9/2016 của Ủy ban nhân dân thị trấn A không còn giá trị pháp lý kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND thị trấn AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo